

Bản án số: 187/2020/HSPT
Ngày: 07- 9 -2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tuấn
Các thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Long
Bà Lê Thúy Cầu

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Tuyết Trinh, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:
Ông Đoàn Minh Lộc - Kiểm sát viên.

Vào ngày 07 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 234/2020/TLPT-HS ngày 02 tháng 7 năm 2020, đối với các bị cáo Phạm Văn M và Nguyễn Đức M1 về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Do có kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn M và Nguyễn Đức M1 đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1457/2020/QĐXXPT-HS ngày 27 tháng 8 năm 2020.

- Bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn M, sinh ngày 18 tháng 10 năm 1991 tại Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: tỉnh Thừa Thiên Huế; nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: không đi học; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Phạm T và bà Phan Thị T; Vợ con chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 24/4/2019, bị UBND phường H, thị xã H, tỉnh Thừa Thiên Huế, xử phạt hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản trái phép; bị cáo tại ngoại (có mặt).

2. Nguyễn Đức M1, sinh ngày 30 tháng 8 năm 1998 tại Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKKHKT: tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Nguyễn Văn H và bà Trần thị H; Có vợ Bùi Thị H và 01 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 17/01/2019, bị Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Thừa Thiên Huế, xử phạt hành chính số tiền 2.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản trái phép; bị cáo tại ngoại (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 05 phút ngày 09 tháng 11 năm 2019, Phạm Văn M gọi Nguyễn Đức M1 để thuê đi khai thác cát trái phép dưới lòng sông Bồ, với tiền công mỗi lần khai thác đầy thuyền là 200.000 đồng/lượt hoặc 100.000 đồng/lượt nếu không đầy thuyền, M1 đồng ý. Sau đó, cả hai dùng thuyền nhôm không có giấy đăng ký, đăng kiểm, có gắn hệ thống hút cát gồm 01 động cơ kèm ống hút để hút cát từ lòng sông lên thuyền và 01 động cơ kèm ống hút để hút cát từ thuyền lên bãi tập kết để tiêu thụ.

Đến khoảng 01 giờ 30 phút cùng ngày, khi M và M1 đang khai thác cát trái phép dưới lòng sông Bồ, thuộc địa phận thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế, phát hiện có cơ quan chức năng đang đi tiến hành kiểm tra nên M, M1 dừng khai thác và bỏ chạy trốn thì bị tổ công tác của Đoàn kiểm tra về xử lý vi phạm trong hoạt động khai thác cát trái phép Công an phường H, thị xã H, phát hiện bắt giữ. Tại thời điểm kiểm tra, M và M1 không xuất trình được giấy phép khai thác khoáng sản do cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Kiểm tra trên thuyền nhôm thì phát hiện có khối lượng 08m³ cát.

Tang vật: Cơ quan điều tra thu giữ, gồm: 01 thuyền nhôm dài 15m, rộng 2,2m; 01 máy hút, 01 máy chạy và 02 ống hút dài 8m.

Tại công văn số 21/STNMT-KS ngày 06/01/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế xác định: Loại cát mà Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ tại đồ máy có gắn hệ thống hút cát của Phạm Văn M, Nguyễn Đức M1 khai thác trên sông Bồ thuộc địa phận thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế và yêu cầu giám định theo Quyết định 36/CQĐT-PC03 ngày 12/12/2019 là loại cát xây có các tính chất cơ lý phù hợp với yêu cầu kỹ thuật về cốt liệu nhỏ dùng trong xây dựng theo TCVN 7520:2006 và đây là *tài nguyên khoáng sản cát làm vật liệu xây dựng thông thường* theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010.

Tại bản Kết luận về việc xác định chất lượng, giá trị tài sản số 168/KL-HĐĐG ngày 14/01/2020, của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Thừa Thiên Huế, kết luận:

1. Đặc điểm tài sản cần định giá: 08m³ cát lòng sông khai thác trái phép trên sông Bồ thuộc địa phận thôn B, xã Q, huyện Q, tỉnh Thừa Thiên Huế tại thời điểm tháng 11/2019.

Theo công văn số 21/STNMT-KS ngày 06/01/2020 của Sở Tài nguyên và Môi trường thì loại cát cần định giá: cát xây.

2. Về xác định giá: Qua khảo sát vị trí khai thác tại địa bàn huyện Q. Căn cứ Công bố giá vật liệu xây dựng số 3376/LSXD-TC ngày 11/12/2019 của Liên Sở Xây dựng – Tài chính, Hội đồng thống nhất xác định giá cát lòng sông (cát xây) tại thời điểm tháng 11 năm 2019 là 297.000 đồng/m³.

Giá trị 08m³ cát xây: 297.000 đồng/m³ x 08m³ = 2.376.000 đồng.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, Cơ quan điều tra tiến hành xác minh tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế, kết quả như sau: “...Tại Thừa Thiên Huế đến thời điểm hiện tại chưa có trường hợp cá nhân nào được cấp phép khai thác mỏ cát sỏi làm vật liệu xây dựng...”.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 27/5/2020, Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã quyết định:

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự.

- Xử phạt Phạm Văn M 09 (chín) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án;
- Xử phạt Nguyễn Đức M1 06 (sáu) tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Thời gian chấp hành hình phạt tính từ ngày bắt giam thi hành án;

Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí, tuyên quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Phạm Văn M và Nguyễn Đức M1 kháng cáo xin giảm hình phạt và được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có quan điểm các bị cáo đều bị xử phạt hành chính trước đó cùng một hành vi khai thác tài nguyên trái phép, nên lần phạm tội này phải nhận thức được hành vi của mình làm ảnh hưởng môi trường, gây mất trật tự xã hội, do vậy không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo, đề nghị HĐXX giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Phạm Văn M, Nguyễn Đức M1 tại phiên tòa phúc thẩm, có đủ căn cứ xác định:

Mặc dù ngày 22/4/2019, Phạm Văn M đã bị UBND phường H, thị xã H ra Quyết định xử phạt hành chính số 0003201/QĐ-XPVPHC với mức phạt 2.000.000 đồng và ngày 22/4/2019, Nguyễn Đức M1 cũng bị Phòng Cảnh sát môi trường Công an tỉnh Thừa Thiên Huế ra Quyết định xử phạt hành chính số 0028776/QĐ-XPVPHC với mức phạt 2.000.000 đồng; cả hai đều bị xử phạt hành chính về hành vi khai thác cát trái phép trên sông. Nhưng rạng sáng ngày 09/11/2019, Phạm Văn M gọi điện thoại, thuê Nguyễn Đức M1 cùng đi khai thác trái phép cát dưới lòng sông Bồ. Sau đó, cả 02 dùng thuyền nhôm của M, có gắn thiết bị hút cát rồi điều khiển đến khu vực thôn B, thuộc địa phận xã Q, huyện Q, tiến hành khai thác trái phép cát dưới lòng sông Bồ. Khi đang khai thác thì bị cơ quan chức năng bắt quả tang, thu giữ 08m³ khối cát vừa khai thác trái phép được.

Với hành vi phạm tội như trên, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội Phạm Văn M và Nguyễn Đức M1 “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo Điều 227 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2]. Xét kháng cáo xin hưởng án treo của các bị cáo, thấy: Hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý tài nguyên, khoáng sản của Nhà nước, không những làm cạn kiệt tài nguyên thiên nhiên, gây tình trạng xói mòn, sạt lở bờ sông, thu hẹp đất liền, thay đổi dòng chảy tự nhiên mà còn ảnh hưởng đến các công trình ven sông, ven đê, tác động xấu đến môi trường. Đồng thời gây nguy hiểm cho tính mạng, tài sản của người dân sinh sống ở khu vực xung quanh và các phương tiện giao thông đường thủy, cũng như gây mất an ninh, trật tự và bức xúc trong dư luận xã hội. Mặt khác, các bị cáo đều đã bị xử phạt hành chính về hành vi khai thác trái phép cát, nhưng vẫn tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội, nên cần phải xử phạt nghiêm khắc nhằm tăng tính răn đe, hạn chế tình trạng khai thác cát trái phép diễn ra tràn lan trên địa bàn Thừa Thiên Huế nói riêng và trên cả nước nói chung trong thời gian vừa qua.

Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đúng tính chất, mức độ thực hiện hành vi phạm tội của bị cáo, áp dụng đúng các tình tiết giảm nhẹ, tuyên phạt bị cáo Phạm Văn M 09 tháng tù và Nguyễn Đức M1 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự là tương xứng với vai trò, tính chất, mức độ thực hiện hành vi của từng bị cáo. Mặc dù Phạm Văn M và Nguyễn Đức M1 phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trên; đồng thời, các bị cáo đều có tiền sự về hành vi tương tự, do đó các bị cáo kháng cáo xin được hưởng án treo là không có căn cứ để chấp nhận.

[4]. Do không được chấp nhận kháng cáo nên Phạm Văn M và Nguyễn Đức M1 phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm

không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự;

1. Không nhận kháng cáo của bị cáo Phạm Văn M và Nguyễn Đức M1; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Văn M 09 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Đức M1 06 tháng tù về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

2. Mỗi bị cáo Phạm Văn M và Nguyễn Đức M1 phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2020/HS-ST ngày 27/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSĐT, Phòng HSNV-CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Sở Tư pháp tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Trại tạm giam tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Minh Tuấn